

QUY CHẾ

Đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (gọi chung là Quy chế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố phải gắn liền với quy hoạch phát triển mở rộng không gian đô thị, mang tính khoa học, lịch sử, văn hóa, ổn định lâu dài, thuận lợi trong công tác quản lý hành chính, đáp ứng nhu cầu của tổ chức, Nhân dân.

2. Việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại các khu vực đô thị áp dụng theo nguyên tắc chung quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ.

3. Việc đặt tên, số hiệu đối với đường khu vực nông thôn áp dụng theo Luật Đường bộ năm 2024 và Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 4. Nguyên tắc cụ thể về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng

1. Tất cả các tuyến đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố được xây dựng theo quy hoạch đô thị, sử dụng ổn định, xác định được điểm đầu (hướng từ Đông sang Tây hoặc từ Bắc vào Nam), có nhà dân sinh sống và hạ tầng đường bộ thi công cơ bản hoàn thành đều được đặt tên.

2. Căn cứ vị trí, quy mô, cấp độ tuyến đường và công trình công cộng, Hội đồng Tư vấn đặt, đổi tên đường và công trình công cộng thành phố (sau đây gọi tắt là Hội đồng Tư vấn) nghiên cứu lựa chọn tên gọi phù hợp, tương ứng các tiêu chí lựa chọn danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh và từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội để đề nghị đặt tên.

3. Danh nhân phải là người đã từ trần trước thời điểm xét đặt tên đường ít nhất 05 năm, là người có công lao to lớn, có đóng góp đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hoặc có ảnh hưởng tích cực đến tiến trình phát triển của dân tộc và được lựa chọn từ danh mục Quỹ tên đường và công trình công cộng (sau đây gọi tắt là Quỹ tên) đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố phê duyệt. Đối với trường hợp đặc biệt, cấp có thẩm quyền xem xét quyết định đề nghị đặt tên đường ngay cả khi chưa có trong Quỹ tên.

4. Tại khu vực nông thôn, chỉ xem xét đặt tên đường đối với các khu dân cư cận kề các tuyến đường liên xã, phường hoặc cận kề các tuyến đường đã được đặt tên theo nghị quyết của HĐND cấp tỉnh trước đây; đồng thời bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

5. Hạn chế tối đa việc đặt trùng tên danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh giữa các địa phương trên địa bàn thành phố nhằm bảo đảm tính thống nhất, tránh nhầm lẫn.

Chương II

ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 5. Cách đặt tên đường và công trình công cộng

1. Tên các danh nhân, nhân vật lịch sử cùng thời kỳ, cùng lĩnh vực hoạt động hoặc có quan hệ gia đình, dòng tộc được ưu tiên đặt tại các tuyến đường giao nhau, liền kề, song song hoặc trong cùng một khu vực gần nhau, tạo thành các cụm đường có tên liên quan để bảo đảm tính hệ thống và có giá trị giáo dục lịch sử.

2. Trong trường hợp đường quá dài hoặc đường liên phường, xã căn cứ vào điều kiện cụ thể, có thể phân ra từng đoạn để đặt tên.

3. Danh nhân, nhân vật lịch sử có nhiều tên gọi, danh xưng, tước hiệu, bút hiệu hoặc bí danh khi hoạt động cách mạng thì chỉ chọn một tên phổ biến nhất để đặt tên đường, công trình công cộng.

4. Các địa danh gắn với các sự kiện lịch sử, tên các địa danh là đơn vị hành chính xưa, tên các nhân vật lịch sử gắn liền với các sự kiện lịch sử hoặc địa danh diễn ra sự kiện lịch sử thì được ưu tiên đặt tên cho đường đi qua hoặc công trình công cộng tại khu vực đó.

5. Đối với các tuyến đường liên phường, xã đủ tiêu chuẩn để đặt tên theo địa danh hoặc tên đơn vị hành chính, điểm đầu tuyến đường thuộc địa giới hành chính của địa phương nào thì địa phương đó chịu trách nhiệm lập hồ sơ và đề xuất tên cho tuyến đường đó.

6. Đối với việc đặt tên đường tại các khu dân cư biệt lập, khép kín, chủ đầu tư dự án phải xây dựng phương án đặt tên theo từng dự án để trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt.

Điều 6. Đổi tên đường và công trình công cộng

1. Hạn chế tối đa việc điều chỉnh, thay đổi tên đường và công trình công cộng đã được đặt tên.

2. Đường và công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không phù hợp về vị trí, không có ý nghĩa về lịch sử, văn hóa hoặc nhân vật còn có nhiều ý kiến đánh giá khác nhau và có thể dẫn đến những diễn giải sai lệch, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, có tác động xấu trong xã hội thì xem xét đổi tên nhưng phải thận trọng và thực hiện đúng quy trình đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng.

Điều 7. Phân nhóm đặt tên đường, công trình công cộng tại khu vực đô thị và nguyên tắc áp dụng đối với khu vực nông thôn

1. Đặt tên đường tại khu vực đô thị

a) Nhóm 1: Đặt tên đại lộ theo danh nhân, sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt về chính trị, văn hóa, xã hội của quốc gia: Gồm các tuyến đường có vị trí đặc biệt quan trọng trong mạng lưới đô thị, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan đô thị của thành phố, có bề rộng mặt đường từ 30m, chiều dài từ 5.000m trở lên.

b) Nhóm 2: Đường được đặt tên danh nhân, địa danh, từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội và các phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử nổi bật: Gồm các tuyến có bề rộng mặt đường từ 5,5m và có chiều dài từ 500m trở lên, trừ các tuyến đường được quy định tại điểm a khoản này.

c) Nhóm 3: Đường được đặt tên địa danh kèm số, tên loài thực vật: Gồm các tuyến đường có bề rộng mặt đường tối thiểu từ 3,75m và có chiều dài tối thiểu từ 50m, trừ các tuyến đường được quy định tại điểm a, b khoản này.

2. Chỉ xem xét đặt tên đường tại khu vực nông thôn đối với các tuyến đường có vai trò kết nối, phục vụ quản lý hành chính và đảm bảo quy định tại Khoản 4 Điều 4 của Quy chế này.

3. Phân nhóm công trình công cộng:

a) Nhóm 1: Các công trình công cộng có vai trò, quy mô, vị trí quan trọng, có ý nghĩa văn hóa, xã hội, lịch sử và phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng chung cho cộng đồng toàn thành phố.

b) Nhóm 2: Gồm các công trình công cộng khác được quy định ngoài Điểm a Khoản này.

Điều 8. Đặt số hiệu đường tại khu vực nông thôn

1. Việc đặt số hiệu đường tại khu vực nông thôn áp dụng đối với các tuyến đường nêu tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này và theo các quy định pháp luật có liên quan.

2. UBND cấp xã đặt số hiệu đường theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 11 đối với khu vực nông thôn thuộc phạm vi quản lý với các hình thức:

- a) Đặt số hiệu đường theo số thứ tự (ví dụ: Đường số 1, Tuyến số 1...).
- b) Đặt số hiệu gắn với tên thôn, làng, xóm (ví dụ: Đường số 1 thôn A, Đường số 1 xóm A...).
- c) Đặt số hiệu đường theo hướng điểm đầu, điểm cuối hoặc công năng sử dụng của tuyến đường, bảo đảm dễ nhận biết, thuận tiện cho quản lý hành chính (ví dụ: Đường liên thôn A - B, liên xóm A - B ...).

3. Việc đặt số hiệu các tuyến đường tại khu vực nông thôn phải bảo đảm ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ và phù hợp với thuần phong mỹ tục của Việt Nam; không trùng lặp trong phạm vi đơn vị hành chính cấp xã; không trùng với tên đường đã được đặt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố.

4. Việc đặt số hiệu đường tại khu vực nông thôn phải lấy ý kiến thống nhất của cộng đồng dân cư và trên cơ sở ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Xây dựng.

5. Việc xác định điểm đầu, điểm cuối và hướng tuyến đường tại khu vực nông thôn được thực hiện như sau:

- a) Điểm đầu, điểm cuối của tuyến đường được xác định theo vị trí giao cắt với đường trục chính, đường liên xã, liên thôn hoặc các công trình công cộng quan trọng trên địa bàn.
- b) Hướng tuyến đường được xác định theo chiều Bắc - Nam, Đông - Tây hoặc các hướng tương đối trên bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch và hiện trạng sử dụng đất.
- c) Trường hợp đặt số hiệu gắn với điểm đầu, điểm cuối, tên tuyến đường phải thể hiện rõ hai điểm mốc chính của tuyến để bảo đảm dễ nhận biết, thuận tiện cho công tác quản lý, chỉ dẫn giao thông và hành chính.
- d) Việc xác định điểm đầu, điểm cuối và hướng tuyến phải bảo đảm thống nhất trong phạm vi đơn vị hành chính cấp xã và được thể hiện trong hồ sơ, bản đồ quản lý đường giao thông nông thôn.

Chương III

XÂY DỰNG QUỸ TÊN ĐƯỜNG, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 9. Xây dựng Quỹ tên

1. Hội đồng Tư vấn do UBND thành phố quyết định thành lập và quy định chế độ làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan Thường trực Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc sưu tầm, biên tập và lập danh mục Quỹ tên; báo cáo Hội đồng Tư vấn thẩm định Quỹ tên trước khi trình UBND thành phố phê duyệt để lưu trữ, sử dụng lâu dài cho công tác đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố.

3. UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan có trách nhiệm rà soát, đề xuất danh mục bổ sung vào Quỹ tên, gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn.

4. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn xây dựng kế hoạch đề xuất bổ sung, đưa ra khỏi nguồn Quỹ tên các trường hợp không đảm bảo tiêu chí theo Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Tiêu chí xây dựng Quỹ tên

1. Danh nhân, nhân vật lịch sử của đất nước

a) Có công trạng, đóng góp lớn cho sự phát triển của đất nước (bao gồm các nhân vật có ảnh hưởng lớn đến đất nước trong các thời kỳ lịch sử của dân tộc hoặc các vị khởi xướng, lãnh đạo các phong trào yêu nước, cách mạng, các vị lãnh đạo tiêu biểu của Đảng và Nhà nước).

b) Nổi tiếng về tài đức, có đóng góp lớn cho sự phát triển của đất nước ở từng lĩnh vực qua các thời kỳ lịch sử dân tộc.

c) Có những thành tích đặc biệt, hành động đặc biệt vì lợi ích của đất nước, của cộng đồng, trở thành gương sáng để các thế hệ sau học tập (bao gồm các tấm gương hy sinh, tuần tiết, các chiến sĩ cách mạng có chiến công đặc biệt).

2. Danh nhân, nhân vật lịch sử địa phương (gồm những người có công trạng tiêu biểu đối với địa phương, vùng đất Đà Nẵng qua các thời kỳ):

a) Có đóng góp lớn cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng vùng đất Đà Nẵng qua các thời kỳ lịch sử, những vị tiền hiền có công khai phá vùng đất Đà Nẵng qua các thời kỳ.

b) Các nhân sĩ, trí thức, nhà hoạt động xã hội, nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa... có công đóng góp cho sự phát triển của địa phương hoặc có tác phẩm giá trị được công nhận và lưu truyền đến ngày nay.

c) Các đồng chí lãnh đạo tiêu biểu của Đà Nẵng qua các thời kỳ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động tiêu biểu của Đà Nẵng qua các thời kỳ.

đ) Bà mẹ Việt Nam anh hùng tiêu biểu thành phố Đà Nẵng qua các thời kỳ.

3. Danh nhân nước ngoài có ảnh hưởng tích cực đến lịch sử, văn hóa Việt Nam và thành phố Đà Nẵng qua các thời kỳ.

4. Địa danh, từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội:

a) Địa danh: Địa danh nổi tiếng, gắn liền với lịch sử dân tộc, có ý nghĩa và giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc của thành phố; địa danh đã quen dùng từ xưa, đi sâu vào tiềm thức của Nhân dân; hoặc tên địa phương kết nghĩa, có mối quan hệ đặc biệt với thành phố Đà Nẵng qua các thời kỳ.

Đối với các tỉnh, thành phố kết nghĩa, có thể lấy tên địa danh nổi tiếng của tỉnh, thành phố đó.

b) Danh từ, mỹ từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.

5. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương.

6. Tên địa danh đặt tên kèm số: Là những địa danh của địa phương đã gắn bó với đời sống, tiềm thức của Nhân dân tại một khu vực dân cư nhất định trên địa bàn của thành phố Đà Nẵng qua các thời kỳ.

7. Tên một số loài thực vật đặc trưng và phổ biến.

Chương IV

THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH, THỦ TỤC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 11. Thẩm quyền đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng

1. UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố quyết định đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

2. UBND thành phố quyết định đặt tên đường cho các tuyến đường được quy định tại Khoản 6 Điều 5 Quy chế này.

3. UBND thành phố ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện việc đặt số hiệu đối với các tuyến đường tại khu vực nông thôn theo quy định tại Điều 8 và đặt tên công trình công cộng tại Điểm b Khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Điều 12. Quy trình tham mưu xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng

1. Hằng năm, căn cứ chỉ đạo của UBND thành phố, Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn UBND cấp xã cung cấp hồ sơ các tuyến đường, công trình công cộng cần đặt tên, đổi tên để lập hồ sơ phục vụ công tác khảo sát, xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố.

2. Căn cứ hướng dẫn của Sở Xây dựng, UBND cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất đặt tên, đổi tên đường, công trình công cộng theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn tổ chức các bước khảo sát thực tế đối với các hồ sơ đảm bảo quy định tại Khoản 3 Điều 13 với sự tham gia của đại diện các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan nhằm đánh giá hiện trạng và xây dựng dự thảo Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng.

4. Hội đồng Tư vấn tổ chức họp cho ý kiến dự thảo Đề án đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng.

5. Cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết HĐND thành phố về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên cơ sở kết luận của Chủ tịch Hội đồng Tư vấn tại buổi làm việc của Hội đồng Tư vấn; tổ chức lấy ý kiến của Nhân dân và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân, cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn hoàn thiện nội dung trình UBND thành phố xem xét.

7. UBND thành phố trình HĐND thành phố thông qua việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng.

8. Đối với các tuyến đường được quy định tại Khoản 6 Điều 5 Quy chế này, chủ đầu tư tư dự án chủ động xây dựng phương án đặt tên đường kèm theo bản đồ quy hoạch và thuyết minh ý nghĩa tên gọi gửi cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn thẩm định, trình UBND thành phố xem xét, quyết định để đảm bảo tính thống nhất, không trùng lặp tên đường đã đặt tên.

Điều 13. Thành phần hồ sơ trình xem xét đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng

1. Hồ sơ cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn trình UBND thành phố:

a) Tờ trình đề nghị; Dự thảo Nghị quyết, Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng tại địa phương; sơ đồ bản vẽ thể hiện vị trí các tuyến đường, công trình công cộng đề nghị đặt tên, đổi tên của UBND cấp xã.

b) Thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng Tư vấn cấp tỉnh; báo cáo tổng hợp và giải trình ý kiến của các cơ quan chuyên môn, các chuyên gia tư vấn, ý kiến góp ý của Nhân dân.

2. Hồ sơ đặt tên đường quy định tại Khoản 6 Điều 5 Quy chế này do chủ đầu tư gửi Hội đồng Tư vấn gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phương án đặt tên đường.

b) Bản sao Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết.

c) Sơ đồ vị trí, các thông số kỹ thuật về chiều dài, bề rộng và bản thuyết minh ý nghĩa các tên gọi đề xuất.

d) Văn bản thống nhất của UBND cấp xã nơi triển khai dự án.

3. Hồ sơ do UBND cấp xã gửi Hội đồng Tư vấn gồm:

a) Văn bản đề xuất của UBND cấp xã, các đơn vị có nhu cầu đặt tên, đổi tên các công trình công cộng;

b) Sơ đồ bản vẽ, vị trí, thuyết minh các thông số kỹ thuật, tên của các dự án đầu tư xây dựng (nếu có) của các tuyến đường, công trình đề nghị đặt tên, đổi tên.

c) Trường hợp đề xuất đặt tên các đường ngắn, nhỏ và công trình công cộng, theo tên địa danh, tên làng xóm hoặc xứ đất xưa (kèm số) thì phải có chú thích cụ thể, rõ ràng và đính kèm Biên bản thống nhất của các vị cao niên, người dân và các tổ chức chính trị, xã hội tại khu vực có tuyến đường dự kiến đặt tên.

Điều 14. Gắn bảng tên đường và công trình công cộng

1. Căn cứ quyết định đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng của cấp có thẩm quyền, việc tổ chức gắn biển tên đường và bảng tên công trình công cộng thực hiện như sau:

a) Giao Sở Xây dựng, UBND cấp xã, các chủ đầu tư, đơn vị quản lý và khai thác tổ chức triển khai lắp đặt, điều chỉnh trụ biển tên đường và công trình công cộng theo hướng dẫn của Sở Xây dựng.

b) Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn UBND cấp xã và đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai lắp đặt, điều chỉnh và bảo dưỡng trụ, biển tên đường và công trình công cộng theo quy định.

2. Nguyên tắc gắn biển tên đường theo kiểu cánh lệch, thứ tự ưu tiên cánh trên và cánh dưới như sau:

a) Tên đường trục đường chính được ghi tại cánh trên. Trong trường hợp hai đường giao nhau cùng là trục đường chính, thì căn cứ chữ đầu tên đường theo thứ tự A, B, C... để ghi tại cánh trên.

b) Tên đường có bề rộng mặt đường lớn hơn được ghi tại cánh trên. Trong trường hợp hai đường giao nhau có bề rộng mặt đường bằng nhau, thì căn cứ chữ đầu tên đường theo thứ tự A, B, C... để ghi tại cánh trên. Nếu trong trường hợp hai đường giao nhau có bề rộng mặt đường bằng nhau và được đặt cùng tên có kèm theo số, thì căn cứ thứ tự 1, 2, 3... để ghi tại cánh trên.

3. Đối với các công trình công cộng, đơn vị quản lý công trình triển khai lắp đặt biển tên, quy cách phù hợp với từng công trình.

4. Đối với các tuyến đường quy định tại Khoản 6 Điều 5 Quy chế này:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện gắn biển tên đường ngay sau khi có quyết định phê duyệt của UBND thành phố và trước khi nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

b) Kinh phí cho việc lắp đặt, bảo dưỡng và duy tu biển tên đường do chủ đầu tư chịu trách nhiệm.

c) Quy cách biển tên đường thực hiện theo mẫu riêng do Sở Xây dựng hướng dẫn, phù hợp với kiến trúc cảnh quan của dự án, đảm bảo tính thẩm mỹ và thống nhất.

5. Đối với các tuyến đường do UBND cấp xã đặt số hiệu quy định tại Điều 8 Quy chế này, trụ và biển tên đường được thiết kế theo mẫu riêng, bảo đảm tính đồng bộ về kết cấu, kích thước, hình thức mỹ thuật và màu sắc thống nhất. Đồng thời, có sự phân biệt rõ ràng với trụ, biển tên đường do HĐND thành phố quyết định đặt tên. Việc thiết kế, lắp đặt thực hiện theo hướng dẫn của Sở Xây dựng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các tổ chức liên quan triển khai và hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy chế này và những quy định khác của pháp luật có liên quan về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa

bàn thành phố. Thường xuyên kiểm tra, đơn đốc thực hiện việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng tham mưu UBND thành phố triển khai Nghị quyết đặt đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố để các đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan xem xét, thẩm định hồ sơ đặt tên đường được quy định tại Khoản 6 Điều 5 Quy chế này, trước khi trình UBND thành phố phê duyệt.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, hướng dẫn UBND cấp xã rà soát, lập danh sách, hồ sơ các tuyến đường và công trình công cộng đề nghị đặt tên, đổi tên.

b) Tổng hợp thông số, kỹ thuật đường và công trình công cộng theo hồ sơ đề xuất đặt tên của UBND cấp xã và báo cáo UBND thành phố (thông qua cơ quan Thường trực Hội đồng Tư vấn).

c) Thường xuyên kiểm tra, đơn đốc UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức lắp đặt, điều chỉnh và bảo dưỡng biển tên đường và công trình công cộng sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

d) Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các chủ đầu tư dự án trong việc thực hiện lắp đặt trụ, biển tên đường quy định tại Khoản 6 Điều 5 Quy chế này theo đúng quy chuẩn và phương án đã được phê duyệt.

3. Sở Tài chính

Tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí triển khai các hoạt động về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng; công tác lắp đặt, điều chỉnh và bảo dưỡng trụ bảng, biển tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố hằng năm theo quy định.

4. UBND cấp xã

a) Đối với việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng quy định tại Khoản 1 Điều 11, UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát nhu cầu thực tế trên địa bàn để tổng hợp; đề xuất Hội đồng Tư vấn tham mưu UBND thành phố xem xét việc bổ sung Quỹ tên và việc đặt tên, đổi tên các tuyến đường và công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng.

b) Đối với việc đặt số hiệu đường tại khu vực nông thôn quy định tại Điều 8 Quy chế này, UBND cấp xã chủ động tổ chức việc đặt số hiệu các tuyến đường.

c) Tham mưu, đề xuất cấp thẩm quyền đảm bảo kinh phí triển khai các hoạt động về đặt, đổi tên đường và công trình công cộng; công tác lắp đặt, điều chỉnh và bảo dưỡng trụ bảng, biển tên đường và công trình công cộng tại địa phương theo quy định.

d) Tổ chức gắn, quản lý, bảo dưỡng biển tên đường và công trình công cộng theo quy định tại Quy chế này.

đ) Chỉ đạo, triển khai công tác tuyên truyền về ý nghĩa tên đường và công trình công cộng đã được đặt tên trên địa bàn quản lý để Nhân dân được biết.

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này và những quy định khác của pháp luật về công tác đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố được khen thưởng kịp thời theo chế độ thi đua khen thưởng hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này và những quy định khác của pháp luật về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành

1. Các tuyến đường và công trình công cộng đã được đặt tên trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì tiếp tục giữ nguyên tên gọi, bao gồm các đường, công trình công cộng trùng tên giữa các địa phương trên địa bàn thành phố; trường hợp thực hiện việc điều chỉnh, đổi tên vì các lý do khác thì phải tuân thủ quy định tại Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai và thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung./.